

PART 2: CÂU HỎI ĐUÔI



1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Câu hỏi đuôi (Tag question) tương tự như câu hỏi Yes/ No, yêu cầu người nghe trả lời có hay không, đúng hay sai, đồng ý hay không đồng ý. Điểm khác biệt giữa 2 dạng này là cấu trúc và một vài lưu ý đặc biệt.

- Câu hỏi đuôi (Tag question) tương tự như câu hỏi Yes/ No, yêu cầu người nghe trả lời có hay không, đúng hay sai, đồng ý hay không đồng ý. Điểm khác biệt giữa 2 dạng này là cấu trúc và một vài lưu ý đặc biệt.
- Cấu trúc:
 - Câu hỏi: **mệnh đề**, **phần đuôi** (trợ động từ/ động từ tobe + đại từ thay thế cho chủ ngữ)?
Mệnh đề **khẳng định** => đuôi **phủ định** (VD: **Jane likes coffee, doesn't she?**)
Mệnh đề **phủ định** => đuôi **khẳng định** (VD: **Jane doesn't like coffee, does she?**)

- Câu hỏi đuôi (Tag question) tương tự như câu hỏi Yes/ No, yêu cầu người nghe trả lời có hay không, đúng hay sai, đồng ý hay không đồng ý. Điểm khác biệt giữa 2 dạng này là cấu trúc và một vài lưu ý đặc biệt.
- Cấu trúc:
 - Câu hỏi: **mệnh đề**, **phần đuôi** (trợ động từ/ động từ tobe + đại từ thay thế cho chủ ngữ)?
Mệnh đề **khẳng định** => đuôi **phủ định** (VD: **Jane likes coffee, doesn't she?**)
Mệnh đề **phủ định** => đuôi **khẳng định** (VD: **Jane doesn't like coffee, does she?**)
 - Câu trả lời: 2 cách hỏi trên nhưng có cùng cách trả lời. Yes: có, No: không.
VD: Jane likes coffee, doesn't she?/ Jane doesn't like coffee, does she?
=> **Yes, she does.** Có, cô ấy có thích.
No, she doesn't. Không, cô ấy không thích.

- Câu hỏi đuôi (Tag question) tương tự như câu hỏi Yes/ No, yêu cầu người nghe trả lời có hay không, đúng hay sai, đồng ý hay không đồng ý. Điểm khác biệt giữa 2 dạng này là cấu trúc và một vài lưu ý đặc biệt.
- Cấu trúc:
 - Câu hỏi: **mệnh đề**, **phần đuôi** (trợ động từ/ động từ tobe + đại từ thay thế cho chủ ngữ)?
Mệnh đề **khẳng định** => đuôi **phủ định** (VD: **Jane likes coffee, doesn't she?**)
Mệnh đề **phủ định** => đuôi **khẳng định** (VD: **Jane doesn't like coffee, does she?**)
 - Câu trả lời: 2 cách hỏi trên nhưng có cùng cách trả lời. Yes: có, No: không.
VD: Jane likes coffee, doesn't she?/ Jane doesn't like coffee, does she?
=> **Yes, she does**. Có, cô ấy có thích.
No, she doesn't. Không, cô ấy không thích.
- **Lưu ý**: câu hỏi đuôi với will you ở cuối là dạng câu mệnh lệnh, cách trả lời có trong bài câu đề nghị, yêu cầu, gợi ý, câu mời.

2. CÁC ĐÁP ÁN ĐÚNG

2.1. Trả lời trực tiếp

Câu trả lời với Yes/ No

- Example 1:

Q: You set up chairs in the meeting room, didn't you?

Bạn đã sắp xếp ghế trong phòng họp rồi có phải không?

(A) I need a reference book.

Tôi cần một cuốn sách tham khảo.

(B) Yes, 200 seats in total.

Đúng rồi, tổng là 200 chỗ.

(C) No, I couldn't find the email address.

Không, tôi không thể tìm thấy địa chỉ email.

- Example 2:

Câu trả lời với Yes/ No

Q: You must be the new sales director, right?

Cô chắc hẳn là giám đốc bán hàng mới, đúng không?

(A) Yes, it's nice to meet you.

Vâng, rất vui được gặp cô.

(B) Sorry, I don't have the directions.

Xin lỗi, tôi không có hướng dẫn.

(C) It's our year-end sale.

Đó là đợt giảm giá cuối năm của chúng tôi.

- Example 2:

Câu trả lời với Yes/ No

Q: You must be the new sales director, right?

Cô chắc hẳn là giám đốc bán hàng mới, đúng không?

(A) Yes, it's nice to meet you.

Vâng, rất vui được gặp cô.

(B) Sorry, I don't have the directions.

Xin lỗi, tôi không có hướng dẫn.

(C) It's our year-end sale.

Đó là đợt giảm giá cuối năm của chúng tôi.

Lưu ý: Câu hỏi với “,right?” ở cuối câu cũng được tính là câu hỏi đuôi và có cách trả lời tương tự. Đây là cách hỏi phổ biến trong giao tiếp.

2.2. Trả lời gián tiếp

Câu trả lời gián tiếp
Yes/ No

Q: Jesse left an envelope for me, didn't he?

Jesse để lại một bức thư cho tôi có phải không?

(A) It's at the front desk.

Nó ở bàn lễ tân ý.

(B) No, turn right at the corner.

Không, rẽ phải ở góc phố.

(C) Yes, he will develop a new product.

Có, anh ấy sẽ phát triển một sản phẩm mới.

Câu trả lời không rõ ý Yes/ No

- Example 1:

Q: Ms. Balani has the copies of the annual report, doesn't she?

Cô Balani có các bản sao của báo cáo hàng năm, phải không?

(A) A yearly salary increase.

Tăng lương hàng năm.

(B) Let's look on her desk.

Hãy xem thử trên bàn của cô ấy.

(C) It was a good offer.

Đó là một đề nghị tốt.

Câu trả lời không rõ ý Yes/ No

- Example 2:

Q: The order can still be changed, right?

Đơn hàng vẫn có thể thay đổi đúng không?

(A) That process is very complicated.

Quy trình phức tạp lắm.

(B) I still remember that day, too.

Tôi cũng vẫn nhớ hôm đấy.

(C) Yes, he does.

Có, anh ấy có.

3. CÁC ĐÁP ÁN SAI

- Câu trả lời bắt đầu với Yes/ No nhưng không trả lời cho câu hỏi

Q: You set up chairs in the meeting room, didn't you?

Bạn đã sắp xếp ghế trong phòng họp rồi có phải không?

A: No, I couldn't find the email address.

Không, tôi không thể tìm thấy địa chỉ email.

- Câu trả lời bắt đầu với Yes/ No nhưng không trả lời cho câu hỏi

Q: You set up chairs in the meeting room, didn't you?

Bạn đã sắp xếp ghế trong phòng họp rồi có phải không?

A: No, I couldn't find the email address.

Không, tôi không thể tìm thấy địa chỉ email.

=> Câu trả lời bắt đầu với No nhưng phần thông tin phía sau không liên quan đến câu hỏi.

=> Cần nghe hết câu chứ không chỉ dựa vào phần đầu tiên của câu trả lời để chọn.

- Câu trả lời với danh từ/ cụm danh từ

Q: Ms. Balani has the copies of the annual report, doesn't she?

Cô Balani có các bản sao của báo cáo hàng năm, phải không?

A: A yearly salary increase.

Tăng lương hàng năm.

- Câu trả lời với danh từ/ cụm danh từ

Q: Ms. Balani has the copies of the annual report, doesn't she?

Cô Balani có các bản sao của báo cáo hàng năm, phải không?

A: A yearly salary increase.

Tăng lương hàng năm.

=> Ở câu hỏi đuôi, ngoài việc trả lời trực tiếp với Yes/ No thì bạn có thể trả lời bằng 1 câu hoặc 1 câu hỏi lại. Trường hợp trả lời chỉ với 1 danh từ (hoặc cụm danh từ) là chắc chắn sai.

- Câu trả lời có từ lặp lại hoặc phát âm gần giống với từ trong câu hỏi

Q: Jesse left an **envelope for me, didn't he?**

Jesse để lại một bức thư cho tôi có phải không?

A: Yes, he will **develop a new product.**

Có, anh ấy sẽ phát triển một sản phẩm mới.

- Câu trả lời có từ lặp lại hoặc phát âm gần giống với từ trong câu hỏi

Q: Jesse left an **envelope for me, didn't he?**

Jesse để lại một bức thư cho tôi có phải không?

A: Yes, he will **develop a new product.**

Có, anh ấy sẽ phát triển một sản phẩm mới.

=> Câu trả lời có từ **develop** (phát triển) phát âm gần giống với từ **envelope** (phong bì) nhằm đánh lừa người nghe, tuy nhiên 2 từ này nghĩa hoàn toàn khác nhau và sử dụng trong 2 ngữ cảnh khác nhau => **LOẠI**.

LUYỆN TẬP



Q: You haven't always worn glasses, have you?

=> Câu hỏi không bắt đầu với một mệnh đề và phần đuôi => Câu hỏi đuôi

Dịch: Bạn không phải lúc nào cũng đeo kính đúng không?

Q: You haven't always worn glasses, have you?

Bạn không phải lúc nào cũng đeo kính đúng không?

(A) I didn't see the memo.

Tôi đã không thấy thông báo. => Loại

Q: You haven't always worn glasses, have you?

Bạn không phải lúc nào cũng đeo kính đúng không?

(A) I didn't see the memo.

Tôi đã không thấy thông báo. => Loại

(B) No, only since last year.

Không, mới từ năm ngoái. => No + giải thích hợp lý => Chọn

Q: You haven't always worn glasses, have you?

Bạn không phải lúc nào cũng đeo kính đúng không?

(A) I didn't see the memo.

Tôi đã không thấy thông báo. => Loại

(B) No, only since last year.

Không, mới từ năm ngoái. => No + giải thích hợp lý => Chọn

(C) Two glasses of water, please.

Làm ơn cho tôi xin hai cốc nước. => Cụm danh từ => Loại

Q: You haven't always worn glasses, have you?

Bạn không phải lúc nào cũng đeo kính đúng không?

(A) I didn't see the memo.

Tôi đã không thấy thông báo.

(B) No, only since last year.

Không, mới từ năm ngoái.

(C) Two glasses of water, please.

Làm ơn cho tôi xin hai cốc nước.